

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG
Số: _____/TB-THPT QT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

THÔNG BÁO
Các học sinh thuộc diện được miễn, giảm học phí, tiền tổ chức dạy 2 buổi/ngày, chương trình nhà trường, hỗ trợ chi phí học tập
Năm học: 2024 - 2025

- Căn cứ vào Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ: Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;
- Căn cứ vào Văn bản số 73/BCĐCTGNBVTP ngày 16 tháng 08 năm 2022 của Ban chỉ đạo chương trình giảm nghèo bền vững thành phố về việc hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách an sinh xã hội cho hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo giai đoạn 2021-2025;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định các khoản thi và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023-2024;
- Căn cứ vào Công văn số 794/SGDĐT-KHTC ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021-2022;
- Căn cứ vào Công văn số 5307/SGDĐT-KHTC ngày 26 tháng 08 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh,

Trường THPT Quang Trung thông báo các đối tượng được miễn, giảm học phí; tiền tổ chức dạy 02 buổi/ngày; hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024 - 2025 như sau:

STT	Nội dung	Các khoản được miễn, giảm		Hồ sơ nộp
		Miễn	Giảm	
I/	<u>NHỮNG ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ VÀ TIỀN TỔ CHỨC DẠY 2 BUỔI/NGÀY</u>			
1	Khuyết tật	100% Học phí và tiền tổ chức dạy 2 buổi/ngày		1./ Mẫu đơn theo Phụ lục IV. 2./ Giấy xác nhận khuyết tật do UBND Xã cấp hoặc Quyết định về trợ cấp xã hội của Chủ tịch UBND cấp Huyện. (Bản sao chứng thực).
2	Từ 16-22 tuổi thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. (Khoản 1, 2 điều 5 NĐ 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021).	100% Học phí		1./ Mẫu đơn theo Phụ lục II.

STT	Nội dung	Các khoản được miễn, giảm		Hồ sơ nộp
		Miễn	Giảm	
	1./ Trẻ dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp sau đây: a./ Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi; b./ Mồ côi cả cha lẫn mẹ; c./ Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật; d./ Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội; đ./ Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; e./ Cả cha và mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật; g./ Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội; h./ Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; i./ Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội; k./ Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; l./ Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;			2./ Quyết định về trợ cấp xã hội của Chủ tịch UBND cấp Huyện. (Bản sao chứng thực)

STT	Nội dung	Các khoản được miễn, giảm		Hồ sơ nộp
		Miễn	Giảm	
	2./ Người thuộc diện quy định tại khoản 1 điều này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng mà đủ 16 tuổi nhưng đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất thì tiếp tục được hưởng chính sách trợ giúp xã hội cho đến khi kết thúc học, nhưng tối đa không quá 22 tuổi.			
3	Có Cha, mẹ, ông bà (ở cùng ông bà) thuộc diện hộ nghèo.	100% Học phí và tiền tổ chức dạy 2 buổi/ngày		1./ Mẫu đơn theo Phụ lục IV. 2./ Giấy xác nhận hộ nghèo do UBND Xã cấp.
4	Là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ. (Khoản 2 điều 6 NĐ 27/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016).	100% Học phí		1./ Mẫu đơn theo Phụ lục II. 2./ Giấy chứng nhận theo Nghị định 27/2016/NĐ-CP (Bản sao chứng thực)
5	Thân nhân của người có công cách mạng (con đẻ/con nuôi)	100% Học phí		1./ Mẫu đơn theo Phụ lục II. 2./ Giấy xác nhận của cơ quan quản lý (Bản sao chứng thực)
6	Dân tộc thiểu số rất ít người. Bao gồm 16 dân tộc: Cống, Mảng, Pu Páo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ (Khoản 1 điều 2 NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017).	100% Học phí		1./ Mẫu đơn theo Phụ lục II. 2./ Giấy khai sinh và hộ khẩu thường trú (Bản sao chứng thực)
7	Dân tộc Chăm, Khmer (QĐ 4453/QĐ-UBND ngày 31/12/2021)	100% Học phí		1./ Mẫu đơn theo Phụ lục II. 2./ Giấy khai sinh và hộ khẩu thường trú (Bản sao chứng thực)
7	Học sinh các dân tộc thiểu số khác thuộc hộ cận nghèo (NQ 23/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022)	100% Học phí		1./ Mẫu đơn theo Phụ lục II. 2./ Giấy khai sinh và hộ khẩu thường trú (Bản sao chứng thực)
8	Dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan thẩm quyền. (QĐ: 433/QĐ-UBND ngày 18/6/2021)	100% tiền tổ chức dạy 2 buổi/ngày	Giảm 70% học phí	1./ Mẫu đơn theo Phụ lục II, giấy xác nhận của địa phương. 2./ Giấy khai sinh, hộ khẩu thường trú (Bản sao chứng thực)

STT	Nội dung	Các khoản được miễn, giảm		Hồ sơ nộp
		Miễn	Giảm	
9	Con của cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tan nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.		Giảm 50% học phí	1./ Mẫu đơn theo Phụ lục II. 2./ Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp,
10	Có Cha, mẹ, ông bà (ở cùng ông bà) thuộc diện hộ cận nghèo.	50% tiền tổ chức dạy 2 buổi/ngày	Giảm 50% học phí	1./ Mẫu đơn theo Phụ lục II. 2./ Giấy xác nhận hộ cận nghèo do UBND Xã cấp
11	Học sinh là thành viên thuộc diện hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo	50% tiền tổ chức dạy 2 buổi/ngày	Giảm 50% học phí	1./ Mẫu đơn theo Phụ lục II. 2./ Giấy xác nhận hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo thành phố do UBND Xã cấp.
II/	<u>NHỮNG ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP</u>			
1	Mồ côi cả cha lẫn mẹ.			Mẫu đơn theo Phụ lục III.
2	Khuyết tật.			Mẫu đơn theo Phụ lục IV.
3	Có Cha, mẹ thuộc diện hộ nghèo.			Mẫu đơn theo Phụ lục IV.
4	Dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan thẩm quyền.			Mẫu đơn theo Phụ lục III.

Lưu ý: Học sinh thuộc những diện trên nộp giấy xác nhận của địa phương tại phòng Kế toán và điền đơn xin miễn, giảm học phí, tiền tổ chức dạy 2 buổi/ngày, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024-2025. **Hạn chót: 20/10/2024.**

Nơi nhận:
- Các PHT;
- GVCN, KT, TQ;
- Công thông tin;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Uyên